



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

ÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAMIMEX GROUP**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 43
8. Phụ lục	44 - 47

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau) được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Điện thoại : (0290) 3.831.608
Fax : (0290) 3.832.297

Các đơn vị trực thuộc:

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau đặt tại địa chỉ Tổ 1, ấp Càng, xã Hoà Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Nghị	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn An Ninh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2012
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013

Ông Đặng Ngọc Sơn
Bà Trương Thị Bích Phượng

Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013
Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Bùi Đức Cường – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy ủy quyền số 02/UQ/HĐQT/CMX.2019 ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Thay mặt Hội đồng quản trị,


Bùi Sĩ Tuấn
Chủ tịch

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

11/2019/2019

Số: 4.0202/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2019, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngự – Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2014-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		820.890.305.447	601.383.970.638
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.429.354.347	3.609.386.523
1. Tiền	111		15.429.354.347	3.609.386.523
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		269.296.660.271	163.907.560.307
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	71.020.614.621	85.534.811.337
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	173.091.831.472	66.901.802.816
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	40.709.124.811	26.955.320.819
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(15.524.910.633)	(15.484.374.665)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		524.042.139.690	420.979.070.288
1. Hàng tồn kho	141	V.7	540.012.017.048	420.979.070.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(15.969.877.358)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.122.151.139	12.887.953.520
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	605.419.504	1.057.587.552
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.998.883.595	4.310.608.903
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	7.517.848.040	7.519.757.065
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		376.587.019.194	274.918.693.875
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.780.172.020	1.305.108.420
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.780.172.020	1.305.108.420
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		201.269.687.255	137.162.176.064
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	154.909.664.564	135.200.475.518
- Nguyên giá	222		382.683.848.355	352.684.514.221
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(227.774.183.791)	(217.484.038.703)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	44.679.625.766	-
- Nguyên giá	225		45.424.320.258	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(744.694.492)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.680.396.925	1.961.700.546
- Nguyên giá	228		9.245.105.542	9.245.105.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.564.708.617)	(7.283.404.996)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		146.718.939.388	129.654.459.128
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	146.718.939.388	129.654.459.128
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.270.299.990	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	10.724.158.784	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(3.453.858.794)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.547.920.541	6.796.950.263
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.859.873.333	4.895.292.323
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.688.047.208	1.901.657.940
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.197.477.324.641	876.302.664.513

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		912.760.278.966	737.884.594.797
I. Nợ ngắn hạn	310		869.160.598.567	729.580.053.461
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	298.224.366.590	286.570.412.768
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	5.749.586.588	3.845.374.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	18.138.863.168	16.544.915.573
4. Phải trả người lao động	314	V.17	7.924.300.589	6.746.253.381
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	4.415.252.728	399.559.703
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	23.935.705.071	22.167.886.496
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	508.757.471.917	392.290.599.424
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.015.051.916	1.015.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		43.599.680.399	8.304.541.336
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	450.000.000	450.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	43.149.680.399	7.851.395.686
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	-	3.145.650
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		284.717.045.675	138.418.069.716
I. Vốn chủ sở hữu	410		284.717.045.675	138.418.069.716
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23a	132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23a	6.800.000.000	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23a	1.995.223.836	1.995.223.836
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23a	33.479.828.987	2.108.777.051
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.108.777.051	2.108.777.051
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		31.371.051.936	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		110.229.652.852	2.101.728.829
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.197.477.324.641	876.302.664.513

Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2019



Lữ Hồng Lam
Người lập



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng




Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

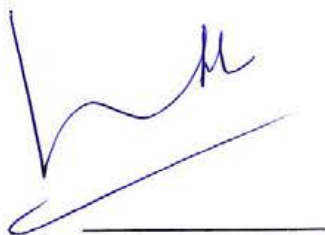
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	517.074.436.275	465.602.546.664
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6.062.527.198	320.186.996
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		511.011.909.077	465.282.359.668
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	402.722.310.209	394.488.711.901
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		108.289.598.868	70.793.647.767
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.934.992.681	1.730.307.276
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	23.191.644.395	16.186.417.115
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.556.825.603	13.569.486.552
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	15.731.082.962	15.792.489.073
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	20.385.867.638	18.852.267.901
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		51.915.996.554	21.692.780.954
12. Thu nhập khác	31	VI.8	14.752.243.063	654.008.842
13. Chi phí khác	32	VI.9	361.848.867	2.708.138.173
14. Lợi nhuận khác	40		14.390.394.196	(2.054.129.331)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.306.390.750	19.638.651.623
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		8.796.949.709	2.710.492.851
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	210.465.082	(543.074.284)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>57.298.975.959</u>	<u>17.471.233.056</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>47.371.051.936</u>	<u>17.469.647.200</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>9.927.924.023</u>	<u>1.585.856</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a	<u>3.583</u>	<u>1.321</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11a	<u>3.583</u>	<u>1.321</u>


Lữ Hồng Lam
Người lập

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		66.306.390.750	19.638.651.623
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	12.274.843.173	13.083.688.416
- Các khoản dự phòng	03	VI.3, VI.5, VI.7	19.464.272.120	135.342.852
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		540.473.327	1.144.437.460
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(11.748.659.602)	(615.661.735)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	15.556.825.603	13.569.486.552
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		102.394.145.371	46.955.945.168
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.548.964.423	434.169.268.000
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(118.259.904.055)	(13.536.210.543)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(117.193.652.725)	(441.003.800.239)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(512.412.962)	(809.731.937)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.541.132.578)	(13.684.359.084)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(4.411.439.177)	(2.708.126.475)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		90.000.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(42.975.431.703)	9.382.984.890
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.12	(141.857.519.304)	(12.252.547.842)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		60.055.234.693	818.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.724.158.784)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	104.109.589	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(97.422.333.806)	(11.434.366.024)



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b	948.793.941.294	673.505.118.178
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(789.939.069.627)	(674.170.558.703)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20b	(6.793.260.976)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		152.061.610.691	(665.440.525)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11.663.845.182	(2.716.821.659)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.609.386.523	8.221.033.794
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		156.122.642	110.512.152
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	15.429.354.347	5.614.724.287

Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2019


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởngBùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty TNHH Thủy sản Camimex đã chính thức chuyển đổi sang Công ty Cổ phần Camimex từ ngày 14 tháng 02 năm 2019. Đồng thời, Công ty Cổ phần Camimex tăng vốn cổ phần đã đăng ký phát hành bằng cách phát hành thêm 3.820.000 cổ phiếu thường, trong đó có 1.500.000 cổ phiếu từ quỹ khen thưởng và 2.320.000 cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Camimex.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

Đồng thời trong kỳ Công ty con là Công ty Cổ phần Camimex đã tăng vốn điều lệ từ 416.800.000.000 VND lên 515.000.000.000 VND.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex (tên cũ là Công ty TNHH Camimex)	Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Gia công, chế biến, xuất khẩu	80,92%	99,99%	80,92%	99,99%
Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống Sinh thái – Camimex	Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất kinh doanh tôm giống	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Camimex Logistic	33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê kho đông lạnh; vận chuyển hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; dịch	86,67%	86,67%	86,67%	86,67%

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Camimex Foods	Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	vụ ủy thác xuất nhập khẩu Nuôi trồng, chế biến, kinh doanh thủy sản	98,8%	-	98,8%
----------------------------------	--	---	-------	---	-------

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 836 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 802 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (36 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 44
Máy móc và thiết bị	03 - 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định
Máy móc và thiết bị

Số năm
05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	14.260.764.882	775.030.072
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.168.589.465	2.834.356.451
Cộng	15.429.354.347	3.609.386.523

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn				
Tiền gửi kỳ hạn 24 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.20b).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn ⁽ⁱ⁾	10.724.158.784	(3.453.858.794)	7.270.299.990	-	-	-
Cộng	10.724.158.784	(3.453.858.794)	7.270.299.990	-	-	-

- (i) Trong kỳ Tập đoàn đã mua 501.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn với giá mua là 21.388 VND/cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 501.400 cổ phiếu, tương đương 10,02% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn.

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	<u>3.453.858.794</u>
Số cuối kỳ	<u>3.453.858.794</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Mazzetta	11.469.907.046	11.432.875.491
H.T.Foods Pvt Ltd	4.866.940.530	5.127.662.709
LP Foods Pte Ltd	4.336.971.310	4.289.463.750
Các khách hàng khác	<u>50.346.795.735</u>	<u>64.684.809.387</u>
Cộng	<u>71.020.614.621</u>	<u>85.534.811.337</u>

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng (Xem thuyết minh số V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	78.875.415.568	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy Sản Vĩnh Hải	78.875.415.568	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	94.216.415.904	66.901.802.816
CMC Seafood Corporation	2.948.430.590	2.948.430.590
Công ty Cổ phần Bất động sản Bình Thiên An	18.421.205.202	-
Công ty Cổ phần Thiên Hoàng Việt	14.865.540.075	8.865.540.075
Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Xây dựng Trường Giang	18.393.029.999	10.669.246.599
Các nhà cung cấp khác	<u>39.588.210.038</u>	<u>44.418.585.552</u>
Cộng	<u>173.091.831.472</u>	<u>66.901.802.816</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
H.T.Foods pvt Ltd - Phải thu tiền xuất khẩu ủy thác	11.031.266.406	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	19.906.603.115	-	16.720.772.233	-
Phải thu khác	<u>9.771.255.290</u>	<u>(511.500.129)</u>	<u>10.234.548.586</u>	<u>(511.500.129)</u>
Cộng	<u>40.709.124.811</u>	<u>(511.500.129)</u>	<u>26.955.320.819</u>	<u>(511.500.129)</u>

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Mazzetta - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	11.469.907.046	- Trên 3 năm	11.432.875.491
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		4.055.003.587	-	4.051.499.174
Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.109.969.418	- Trên 3 năm	1.106.465.005
Phải thu khác	Trên 3 năm	511.500.129	- Trên 3 năm	511.500.129
Trả trước người bán	Trên 3 năm	2.433.534.040	- Trên 3 năm	2.433.534.040
Cộng		15.524.910.633	-	15.484.374.665

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	15.484.374.665	15.219.539.671
Trích lập dự phòng bổ sung	40.535.968	125.907.287
Số cuối kỳ	15.524.910.633	15.345.446.958

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.462.640.398	-	9.002.350.661	-
Công cụ, dụng cụ	2.315.024.153	-	1.497.805.612	-
Thành phẩm	524.234.352.497	(15.969.877.358)	410.478.914.015	-
Cộng	540.012.017.048	(15.969.877.358)	420.979.070.288	-

Một số hàng tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 96.600.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của các Ngân hàng (Xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	15.969.877.358	-
Số cuối kỳ	15.969.877.358	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	223.406.196	354.816.669
Chi phí sửa chữa	325.936.118	576.270.147
Chi phí thuê nhà	-	56.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	56.077.190	70.500.736
Cộng	605.419.504	1.057.587.552

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	281.552.086	418.776.602
Chi phí sửa chữa	2.984.411.111	2.822.465.401
Tiền thuê đất	1.238.847.774	1.256.889.246
Phí bảo lãnh vay vốn	700.634.723	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	654.427.639	397.161.074
Cộng	<u>5.859.873.333</u>	<u>4.895.292.323</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 71.904.284.287 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (Xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc và thiết bị.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong kỳ	45.424.320.258	-	45.424.320.258
Khấu hao trong kỳ	-	744.694.492	-
Số cuối kỳ	<u>45.424.320.258</u>	<u>744.694.492</u>	<u>44.679.625.766</u>

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.736.905.542	508.200.000	9.245.105.542
Số cuối kỳ	<u>8.736.905.542</u>	<u>508.200.000</u>	<u>9.245.105.542</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	818.520.475	408.200.000	1.226.720.475
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.872.427.218	410.977.778	7.283.404.996
Khấu hao trong kỳ	264.636.953	16.666.668	281.303.621
Số cuối kỳ	<u>7.137.064.171</u>	<u>427.644.446</u>	<u>7.564.708.617</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.864.478.324	97.222.222	1.961.700.546
Số cuối kỳ	<u>1.599.841.371</u>	<u>80.555.554</u>	<u>1.680.396.925</u>

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.599.841.371 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (Xem thuyết minh số V.20a).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	1.517.830.081	-	-	1.517.830.081
- Dự án nuôi tôm Kiên Giang	1.284.004.913	-	-	1.284.004.913
- Chi phí khác	233.825.168	-	-	233.825.168
Xây dựng cơ bản dở dang	128.136.629.047	62.119.714.953	(45.055.234.693)	145.201.109.307
- Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn – Xi nghiệp 5	6.641.020.885	-	-	6.641.020.885
- Hệ thống điện dự án nuôi tôm ở Kiên Giang	4.129.922.243	-	-	4.129.922.243
- Khu nhà ở nuôi tôm	596.852.000	-	-	596.852.000
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 – Máy móc thiết bị	46.386.047.761	60.794.464.953	(45.055.234.693)	62.125.278.021
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 – Chi phí xây dựng cơ bản	35.973.292.304	1.055.000.000	-	37.028.292.304
- Quyền sử dụng đất thuê đang làm thủ tục	19.637.839.872	-	-	19.637.839.872
- Công trình nâng cấp xí nghiệp 2	7.547.967.618	-	-	7.547.967.618
- Công trình máy ép Nobashi xí nghiệp 4	6.857.500.000	-	-	6.857.500.000
- Công trình lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động xí nghiệp 2	81.075.000	270.250.000	-	351.325.000
- Công trình lắp đặt phần mềm quản lý	267.500.000	-	-	267.500.000
- Tài sản cố định khác	17.611.364	-	-	17.611.364
Cộng	129.654.459.128	62.119.714.953	(45.055.234.693)	146.718.939.388

(*) Giảm do thanh lý cho Công ty TNHH MTV MAYEKAWA Việt Nam.

Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 6.641.020.885 VND (số đầu năm là 6.641.020.885 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (Xem thuyết minh số V.20a).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong kỳ	Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ					
Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ	17.827.854	(17.827.854)	-	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện	1.883.830.086	1.723.343.961	(1.883.830.086)	(35.296.753)	1.688.047.208
Cộng	1.901.657.940	1.705.516.107	(1.883.830.086)	(35.296.753)	1.688.047.208

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 10% và 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn****14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	16.858.000.200	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy Sản Vĩnh Hải	16.858.000.200	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	281.366.366.390	286.570.412.768
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam	8.449.595.483	10.107.554.825
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	44.863.220.390	-
Trạm thu mua Kiên Giang	535.748.600	7.078.488.974
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cà Mau	-	1.413.083.000
Ulka Seafoods (P) Ltd	17.786.722.400	26.307.389.280
Trạm sinh thái 184	2.277.241.254	1.583.641.375
Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Lộc	-	529.865.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Đa Phương	1.617.581.166	2.342.342.271
Công ty TNHH Thương mại Thái Minh Hưng	-	363.910.000
Các nhà cung cấp khác	205.836.257.097	236.844.138.043
Cộng	298.224.366.590	286.570.412.768

14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác		
Tôm sinh thái	1.314.383.760	1.314.383.760
Các nhà cung cấp khác	2.410.563.290	2.429.980.579
Cộng	3.724.947.050	3.744.364.339

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các khách hàng khác		
Bidfood Procurement Community Ltd	4.203.830.880	-
Pacific Rich Resources limited	244.026.635	244.026.635
Verwijs Import Export BV	106.957.187	106.957.187
Shin Kwang Seafood Corp	460.196.100	468.388.602
Blue You Trading LLC	-	1.957.766.828
Figaro Ronen Import and Marketing.,Ltd	-	574.113.406
Các khách hàng khác	734.575.786	494.121.542
Cộng	5.749.586.588	3.845.374.200

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước	5%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước	10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Camimex Group

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống Sinh thái Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống sinh thái - Camimex kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Công ty Cổ phần Camimex Logistic

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thu nhập từ các hoạt động khác các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế tài nguyên

Công ty Cổ phần Camimex phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 25.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 4.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

Tiền thuê đất

Công ty Cổ phần Camimex Group phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo thông báo hàng năm của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	78.761.998	78.761.998
Ông Nguyễn An Ninh	78.761.998	78.761.998
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	23.856.943.073	22.089.124.498
Kinh phí công đoàn	3.663.046.356	3.474.106.887
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	8.280.473.163	9.142.796.502
Tài sản thừa chờ giải quyết	9.915.579	9.915.579
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	350.000.000	300.000.000
Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái	2.106.732.179	904.524.926
Coop, Basel - Tiền mượn	7.925.250.586	7.252.877.078
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.521.525.210	1.004.903.526
Cộng	23.935.705.071	22.167.886.496

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác		
Coop, Basel - Tiền mượn ⁽ⁱ⁾	7.925.250.586	7.252.877.078
Kinh phí công đoàn ⁽ⁱ⁾	2.150.185.509	2.151.285.795
Bảo hiểm xã hội ⁽ⁱ⁾	2.600.277.230	2.262.153.736
Bảo hiểm y tế	-	238.553.908
Bảo hiểm thất nghiệp	-	79.517.970
Thu tiền thanh lý hộ Nhà nước ⁽ⁱⁱ⁾	44.761.905	44.761.905
Cộng	12.720.475.230	12.029.150.392

⁽ⁱ⁾ Khoản kinh phí công đoàn này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản thu tiền thanh lý hộ Nhà nước 44.761.905 VND chưa được thanh toán do không có yêu cầu.

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	34.544.927.452	8.130.000.000
Ông Bùi Đức Cường - Tiền mượn không tính lãi	6.920.000.000	6.770.000.000
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Tiền mượn không tính lãi	-	185.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Châu Thị Hoàng Hà - Tiền mượn không tính lãi	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Trọng Hà – Tiền mượn không tính lãi	1.855.000.000	1.075.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải – Tiền mượn không tính lãi	25.669.927.452	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	474.212.544.465	384.160.599.424
Vay ngắn hạn ngân hàng	313.372.510.311	310.848.451.920
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	41.788.094.400	51.526.974.773
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	128.749.377.706	118.498.885.575
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	86.050.554.900	89.684.512.004
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ^(iv)	45.802.978.705	51.138.079.568
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cà Mau ^(v)	10.981.504.600	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	38.826.072.083	53.726.276.504
Các tổ chức và cá nhân khác - Tiền mượn không tính lãi	38.826.072.083	53.726.276.504
Trái phiếu thường ngắn hạn ^(vi)	96.991.068.129	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	7.257.699.178	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	17.765.194.764	19.585.871.000
Cộng	508.757.471.917	392.290.599.424

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Camimex Group: vay với hạn mức 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp các khoản phải thu khách hàng thông qua các quyền đòi nợ (xem thuyết minh số V.3).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam– Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Camimex Group: vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản (xem thuyết minh số V.11 và V.12) và quyền sử dụng đất của bên thứ ba.

Công ty Cổ phần Camimex: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.9).

Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm sinh thái – Camimex: vay để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động kinh doanh tôm nguyên liệu, với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Camimex: vay để bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Camimex: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, nhà cửa, vật kiến trúc và tài sản hình thành trong tương lai (xem thuyết minh số V.7 và V.9).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Camimex: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xuất khẩu, Phụ lục Hợp đồng xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C với các đối tác và toàn bộ Hàng hóa là lô hàng thủy sản hình thành từ các hợp đồng đầu vào phục vụ quyền đòi nợ hình thành trong tương lai.
- (vi) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 12 tháng, tổng mệnh giá 100.000.000.000 VND, lãi suất 12%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn (Xem phụ lục 03 đính kèm).

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Vay dài hạn ngân hàng	7.242.924.686	7.851.395.686
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	3.322.924.686	1.621.395.686
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	1.960.000.000	3.290.000.000
- Vay Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.960.000.000	2.940.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	4.880.000.000	-
Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam ^(iv)	4.880.000.000	-
Nợ thuê tài chính	31.026.755.713	-
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm.	31.026.755.713	-
Cộng	<u>43.149.680.399</u>	<u>7.851.395.686</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Camimex: vay để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm sinh thái – Camimex: vay để mua xe với lãi suất trong 12 tháng đầu tiên là 8,99%/năm, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Camimex: vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ phần máy móc thiết bị, thuộc Dự án đầu tư dây chuyền tôm tằm bột tự động với lãi suất được điều chỉnh theo thông báo lãi suất từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 08 tháng 5 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Camimex: vay để đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, vật tư thiết bị để lắp đặt hệ thống kho lạnh 1.500 tấn thuộc xí nghiệp 5 với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng năm, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 3 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

- (iv) Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Camimex: vay để đầu tư nhà máy xử lý nước thải-1000m³/ngày đêm tại nhà máy xí nghiệp 5 với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cà Mau, thế chấp toàn bộ hệ thống xử lý nước thải và cầm cố Hợp đồng tiền gửi (xem thuyết minh số V.2a và V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	24.288.119.450	17.045.194.764	7.242.924.686	-
Vay dài hạn tổ chức khác	5.600.000.000	720.000.000	4.880.000.000	-
Nợ thuê tài chính	38.284.454.891	7.257.699.178	31.026.755.713	-
Cộng	68.172.574.341	25.022.893.942	43.149.680.399	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	13.676.226.686	5.824.831.000	7.851.395.686	-
Cộng	13.676.226.686	5.824.831.000	7.851.395.686	-

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền gốc phải trả	7.257.699.178	31.026.755.713	-	38.284.454.891

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Lãi thuê phải trả	2.813.528.822	2.606.245.211	-	5.419.774.033
Nợ thuê tài chính phải trả	10.071.228.000	33.633.000.924	-	43.704.228.924
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	-	-	-	-
Lãi thuê phải trả	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính phải trả	-	-	-	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay nợ thuê tài chính dài hạn như sau như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
		trong kỳ	trong kỳ	ngắn hạn	
Vay dài hạn ngân hàng	7.851.395.686	3.650.000.000	-	(4.258.471.000)	7.242.924.686
Vay dài hạn tổ chức khác	-	5.600.000.000	-	(720.000.000)	4.880.000.000
Nợ thuê tài chính	-	45.077.715.867	(6.793.260.976)	(7.257.699.178)	31.026.755.713
Cộng	7.851.395.686	54.327.715.867	(6.793.260.976)	(12.236.170.178)	43.149.680.399

20c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Các đơn vị khác						
Vay	10.831.294.450	-	10.831.294.450	13.761.040.000	-	13.761.040.000
Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải ⁽¹⁾	10.831.294.450	-	10.831.294.450	13.761.040.000	-	13.761.040.000
Cộng	10.831.294.450	-	10.831.294.450	13.761.040.000	-	13.761.040.000

⁽¹⁾ Khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian tất toán khoản nợ.**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Giảm khác (*)	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	513.225.065	16.000.000.000	(15.000.000.000)	1.513.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	-	-	394.801.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	107.025.472	-	-	107.025.472
Cộng	1.015.051.916	16.000.000.000	(15.000.000.000)	2.015.051.916

(*) Thường cho người lao động có công đóng góp lớn vào sự phát triển của Tập đoàn.

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ của khoản mục tiền và nợ phải thu. Chi tiết phát sinh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.145.650	9.293.288
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	32.151.103	35.348.020
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>(35.296.753)</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>44.641.308</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 10% và 20% (kỳ trước thuế suất là 10% và 20%).

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 04 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND.

Số lượng cổ phần: 13.221.234 cổ phần.

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.221.234	13.221.234
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty TNHH thủy sản Camimex đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 16.000.000.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	12.002,10	85.772,50
Euro (EUR)	19,66	19,66

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHÓ CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	193.283.320.713
Doanh thu bán thành phẩm	503.344.933.556	263.057.823.907
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.873.586.359	8.833.437.644
Doanh thu bán phụ phẩm	855.916.360	427.964.400
Cộng	517.074.436.275	465.602.546.664

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải với số tiền là 91.815.645 VND (cùng kỳ năm trước không có giao dịch phát sinh).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	357.656.317	288.859.396
Hàng bán bị trả lại	5.662.699.356	-
Giảm giá hàng bán	42.171.525	31.327.600
Cộng	6.062.527.198	320.186.996

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	362.396.261.355
Giá vốn của thành phẩm đã bán	376.825.473.019	25.376.205.420
Giá vốn dịch vụ gia công đã cung cấp	9.926.959.832	6.706.809.561
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.969.877.358	9.435.565
Cộng	402.722.310.209	394.488.711.901

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	104.109.589	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.355.845	1.532.084
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.828.527.247	1.728.775.192
Cộng	2.934.992.681	1.730.307.276

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.556.825.603	13.569.486.552
Chi phí phát hành trái phiếu	1.336.940.409	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.303.546.262	1.472.493.103
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	540.473.327	1.144.437.460
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.453.858.794	-
Cộng	23.191.644.395	16.186.417.115

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.527.332.727	1.739.665.090
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	456.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	105.536.364	397.761.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.702.085.269	10.903.699.942
Các chi phí khác	4.396.128.602	2.750.906.158
Cộng	15.731.082.962	15.792.489.073

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.811.292.705	7.463.432.414
Chi phí vật liệu quản lý	378.657.015	323.076.974
Chi phí đồ dùng văn phòng	603.960.218	432.278.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.370.833.954	1.581.477.113
Thuế, phí và lệ phí	87.115.296	406.906.656
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	40.535.968	125.907.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài	341.167.145	122.768.452
Các chi phí khác	9.752.305.337	8.396.420.166
Cộng	20.385.867.638	18.852.267.901

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	11.644.550.013	615.661.735
Thu nhập khác	3.107.693.050	38.347.107
Cộng	14.752.243.063	654.008.842

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế phạt, bị truy thu, vi phạm hành chính	14.170.504	1.942.134.369
Chi phí nuôi tôm Kiên Giang	153.761.952	-
Khấu hao các tài sản cố định không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	595.860.944
Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên	143.942.318	145.774.878
Chi phí khác	49.974.093	24.367.982
Cộng	361.848.867	2.708.138.173

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	32.151.103	35.348.020
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.901.657.940	8.606.034
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.723.343.961)	(587.028.338)
Cộng	210.465.082	(543.074.284)

11. Lãi trên cổ phiếu**11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	47.371.051.937	17.469.647.200
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	47.371.051.937	17.469.647.200
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13.221.234	13.221.234
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.583	1.321

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.221.234	13.221.234
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.221.234	13.221.234

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	375.183.457.160	424.965.497.373
Chi phí nhân công	45.765.422.873	41.160.738.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.274.843.173	13.083.688.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.307.711.526	54.231.327.428
Chi phí khác	18.484.315.998	15.321.026.995
Cộng	481.015.750.730	548.762.278.440

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay tiền không lãi suất	11.380.000.000	73.810.000.000
Trả tiền vay	(8.215.000.000)	(64.210.000.000)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Camimex Group

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	345.169.860	354.176.880
Phụ cấp, thù lao	156.000.000	156.000.000
Cộng	501.169.860	510.176.880

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải là công ty có thành viên có mối quan hệ mật thiết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng	38.146.015.525	-
Bán tài sản cố định	15.000.000.000	-
Mua tài sản cố định	15.000.000.000	-
Ứng trước tiền mua nguyên liệu	(90.000.000.000)	-
Vay tiền không lãi suất	51.289.000.000	-
Trả tiền vay	(45.802.205.620)	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.4, V.14a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động thủy sản gồm: Chế biến hàng thủy sản, gia công hàng thủy sản, mua bán hàng thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	19.775.998.249	22.408.114.305
Nước ngoài	491.235.910.828	442.874.245.363
Cộng	511.011.909.077	465.282.359.668

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 48.270.293.120 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, Tập đoàn đã làm việc với Ngân hàng để gia hạn các khoản nợ vay quá hạn và các Ngân hàng vẫn đang hỗ trợ tài chính cho các Công ty trong Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Lữ Hồng Lam
Người lập

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

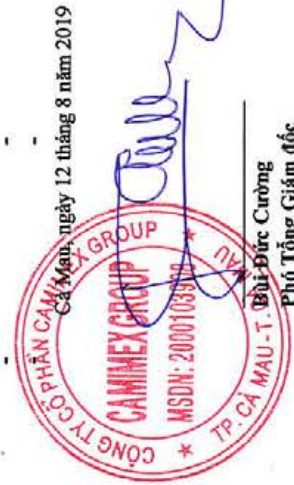
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	104.541.106.454	215.205.601.319	29.773.611.405	3.164.195.043	352.684.514.221	
Mua trong kỳ	12.697.902.274	15.000.000.000 (4.314.149.959)	6.615.581.819	-	34.313.484.093	
Thanh lý, nhượng bán	-	225.891.451.360	36.389.193.224	3.164.195.043	(4.314.149.959)	
Số cuối kỳ	117.239.008.728	225.891.451.360	36.389.193.224	3.164.195.043	382.683.848.355	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.747.672.250	60.253.761.386	2.371.199.804	3.094.528.460	80.467.161.900	
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	65.032.392.498	138.449.723.741	11.598.102.920	2.403.819.544	217.484.038.703	
Khấu hao trong kỳ	3.844.225.310	5.588.419.751 (958.699.972)	1.816.199.999	-	11.248.845.060	
Thanh lý, nhượng bán	-	143.079.443.520	13.414.302.919	2.403.819.544	(958.699.972)	
Số cuối kỳ	68.876.617.808	143.079.443.520	13.414.302.919	2.403.819.544	227.774.183.791	
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	39.508.713.956	76.755.877.578	18.175.508.485	760.375.499	135.200.475.518	
Số cuối kỳ	48.362.390.920	82.812.007.840	22.974.890.305	760.375.499	154.909.664.564	

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
 Đang chờ thanh lý

(Handwritten signature)

Lữ Hồng Lam
 Người lập



Bùi Đức Cường
 Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

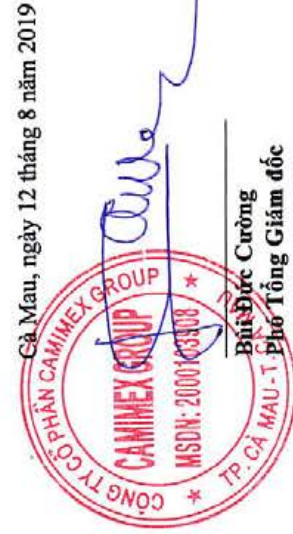
Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Kết chuyển giảm khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	216.188.586	-	588.982.213	(495.612.784)	-	309.558.015	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	90.963.791	(90.963.791)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	7.517.799.495	-	-	-	-	7.517.799.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.580.922.708	-	8.796.949.709	(4.411.439.177)	(2.334.311.156)	16.632.122.084	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.402.577.338	1.957.570	641.115.956	(1.026.843.330)	-	1.014.940.939	48.545
Tiền thuế đất	336.250.941	-	22.691.664	(197.319.271)	-	161.623.334	-
Thuế tài nguyên	8.976.000	-	59.510.000	(56.020.000)	-	12.466.000	-
Các loại thuế khác	-	-	28.947.324	(28.947.324)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	81.359.059	(33.293.513)	(39.912.750)	8.152.796	-
Cộng	16.544.915.573	7.519.757.065	10.310.519.716	(6.340.439.190)	(2.374.223.906)	18.138.863.168	7.517.848.040

Đơn vị tính: VND

(*) Giám theo Quyết định số 655/QĐ-CT ngày 26/4/2019 và số 1074 ngày 28/6/2019 của Cục thuế tỉnh Cà Mau về việc hoàn thuế kiêm bù trừ ngân sách Nhà nước.


Lữ Hồng Lam
Người lập

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 03: Bảng chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND					
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	310.848.451.920	623.948.831.420		(621.194.636.703)	(230.136.326)	313.372.510.311
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	30.381.276.504	68.188.000.000	-	(66.903.276.969)	-	31.665.999.535
Vay ngắn hạn các cá nhân	31.475.000.000	100.700.000.000	-	(90.470.000.000)	-	41.705.000.000
Trái phiếu thường ngắn hạn		101.629.394.007		(4.638.325.878)	-	96.991.068.129
Vay dài hạn đến hạn trả	19.585.871.000	-	4.978.471.000	(6.732.830.077)	(66.317.159)	17.765.194.764
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	7.257.699.178	-	-	7.257.699.178
Cộng	392.290.599.424	894.466.225.427	12.236.170.178	(789.939.069.627)	(296.453.485)	508.757.471.917

Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2019



Lữ Hồng Lam
 Người lập



Nguyễn Trọng Hà
 Kế toán trưởng



Bái Đức Cường
 Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

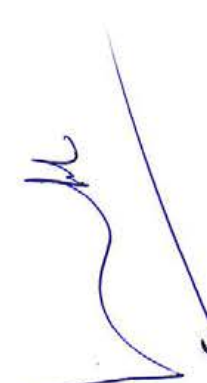
Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	132.212.340.000	-	1.995.223.836	(74.528.354.961)	50.000.000	59.729.208.875
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	17.469.647.200	-	17.469.647.200
Tăng/(Giảm) do hợp nhất kinh doanh trong kỳ	-	-	-	(4.000.000)	5.585.856	1.585.856
Số dư cuối kỳ trước	132.212.340.000	-	1.995.223.836	(57.062.707.761)	55.585.856	77.200.441.931
Số dư đầu năm nay	132.212.340.000	-	1.995.223.836	2.108.777.051	2.101.728.829	138.418.069.716
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	47.371.051.936	9.927.924.023	57.298.975.959
Trích lập các quỹ	-	-	-	(16.000.000.000)	-	(16.000.000.000)
Tăng do ảnh hưởng hợp nhất kinh doanh kỳ này	-	6.800.000.000	-	-	98.200.000.000	105.000.000.000
Số dư cuối kỳ này	132.212.340.000	6.800.000.000	1.995.223.836	33.479.828.987	110.229.652.852	284.717.045.675



Lữ Hồng Lam
Người lập biểu



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2019